TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 352/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2025
V/v vụ án ly hôn – mâu thuẫn gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Bà Vũ Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 544/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc: "vụ án ly hôn - mâu thuẫn gia đình". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2025/QĐ-HPT ngày 05 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Ngọc S, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 103 Lô C Lầu 2 Chung cư 78 đường KDV, Phường I, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phạm Ngọc C, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 628/89/30 đường HG, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng bản tự khai, nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc S trình bày:

Bà Võ Thị Ngọc S và ông Phạm Ngọc C tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45 do Ủy ban nhân dân Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/4/2018.

Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ khoản tiền tiết kiệm của bà S trước khi cưới. Đây là khoản tiền bà dự định sau khi sinh con sẽ dùng để chi tiêu cho

hai mẹ con. Thời điểm dịch Covid-19 xảy ra, bà S đã dùng số tiền nêu trên để lo chi phí sinh hoạt cho cả gia đình chồng, mặc dù vậy ông C lại suy nghĩ bà đã gửi hết tiền về cho nhà ngoại. Thời điểm bà S mang thai, trước khi sinh con thì mẹ của bà S có đón bà qua nhà ngoại để chăm sóc, từ đó ông C không chu cấp tiền sinh hoạt. Sau khi bà sinh con thì ông C cũng không ở bên phụ chăm sóc con, đến khi con được 05 tháng tuổi thì ông C qua đón hai mẹ con về nhà nội. Sau đó, tháng 11/2023 chồng và mẹ chồng buộc bà phải nghỉ làm để ở nhà chăm con, bà S không đồng ý và bị chồng và mẹ chồng đuổi về nhà ngoại sinh sống. Mặt khác, mối quan hệ giữa bà và mẹ chồng không được tốt do tính cách hai người không hợp, mẹ chồng hay la mắng bà nhưng bà vẫn âm thầm chịu đựng và khi nói với chồng thì chồng lại bênh vực mẹ. Nay bà Võ Thị Ngọc S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mối quan hệ hôn nhân đã không thể cứu vãn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Phạm Ngọc C.

Về con chung: bà Võ Thị Ngọc S xác nhận có 01 (một) con chung là Phạm Thành Ch – sinh ngày 17/3/2023, bà S yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Việc thực hiện cấp dưỡng: do bà Võ Thị Ngọc S và ông Phạm Ngọc C tự thỏa thuận.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Võ Thị Ngọc S xác nhận không có.

Bị đơn ông Phạm Ngọc C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không thể hiện ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử; Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Võ Thị Ngọc S và ông Phạm Ngọc C có đăng ký kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thiếu sự tin tưởng, không chia sẻ với nhau. Ông C không quan tâm, chu cấp khi bà S mang thai và nuôi con nhỏ, dẫn đến ly thân và tình cảm vợ chồng không còn.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà S và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Hiện nay con chung là trẻ Phạm Thành Ch – sinh ngày 17/3/2023 đang sinh sống cùng bà Võ Thị Ngọc S. Bà S có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng trẻ nên giao trẻ Ch cho bà S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là có cơ sở, việc thực hiện cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà S tự khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

Án phí ly hôn: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

Căn cứ Điều 28, Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Ngọc S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, các lời khai, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Mặc dù, ông Phạm Ngọc C đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông C đều vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Võ Thị Ngọc S yêu cầu ly hôn với ông Phạm Ngọc C. Do đó, đây là "vụ án ly hôn – mâu thuẫn gia đình" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Phạm Ngọc C cư trú tại địa chỉ 628/89/30 đường HG, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Bà Võ Thị Ngọc S và ông Phạm Ngọc C tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45 do Ủy ban nhân dân Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/4/2018, do đó đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà S và ông C là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng từ khi vợ chồng sống chung với nhau, hạnh phúc chỉ thời gian ngắn thì cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là vì giữa vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau, mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc cộng thêm mối quan hệ giữa bà S với gia đình chồng không tốt. Những vấn đề nêu trên kéo dài nhưng không được giải quyết dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Chính vì vậy, đến tháng 11 năm 2023, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, do đó bà S và ông C cũng đã sống ly thân.

Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải, triệu tập xét xử để tạo điều kiện cho bà S và ông C hàn gắn hạnh phúc gia đình, nhưng ông C đều vắng mặt và không thể hiện ý kiến. Điều này chứng tỏ ông C không còn tha thiết cuộc sống vợ chồng, đồng thời không có thiện chí để hàn gắn hạnh phúc gia đình và cố tình để mặc bà S tự giải quyết mâu thuẫn vợ chồng.

Qua những phân tích trên cho thấy: Quan hệ vợ chồng giữa bà S và ông C đã trầm trọng, nên khả năng đoàn tụ không còn và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, trước yêu cầu ly hôn của bà S đối với ông C, Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Bà Võ Thị Ngọc S xác nhận có 01 (một) con chung là Phạm Thành Ch – sinh ngày 17/3/2023, bà S yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng.

[4.2.1] Xét, từ khi vợ chồng sống với nhau và đến khi ly thân thì con chung đều do bà S trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Xét trẻ còn nhỏ tuổi, nên cần người mẹ ở cận kề chăm sóc và nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho trẻ có đủ điều kiện phát triển về thể chất và tâm lý một cách ổn định, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà S là giao trẻ Ch cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng.

[4.2.2] Về cấp dưỡng nuôi con: bà Võ Thị Ngọc S đề nghị việc thực hiện cấp dưỡng do bà và ông Phạm Ngọc C tự thỏa thuận. Do ông Phạm Ngọc C vắng mặt nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bà S. Nếu hai bên có tranh chấp về cấp dưỡng thì có quyền khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án khác.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà S xác nhận không có; ông C vắng mặt nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà S phải chịu theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm a, b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 19, Khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Võ Thị Ngọc S được ly hôn với ông Phạm Ngọc C.

- Về con chung: Giao trẻ Phạm Thành Ch – sinh ngày 17/3/2023 cho bà Võ Thị Ngọc S trực tiếp nuôi dưỡng. Việc thực hiện cấp dưỡng do bà Võ Thị Ngọc S và ông Phạm Ngọc C tự thỏa thuận.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, theo yêu cầu của cha,

mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Ngọc S xác nhận không có, nên Tòa án không xem xét.

2. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị Ngọc S phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Võ Thị Ngọc S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010401 ngày 05/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 6, bà Võ Thị Ngọc S đã nộp xong án phí sơ thẩm.

4. Giấy chứng nhận kết hôn số 45 do Ủy ban nhân dân Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/4/2018 hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Nam